

**CÔNG TY CỔ PHẦN
GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020



**CÔNG TY CỔ PHẦN
GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

M.S.C.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MỤC LỤC

| | Trang |
|---|--------------|
| BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC | 1 – 2 |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP | 3 – 4 |
| BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN | |
| Bảng cân đối kế toán | 5 – 6 |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | 7 |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ | 8 – 9 |
| Bản thuyết minh báo cáo tài chính | 10 – 35 |

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính riêng đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

| <u>Tên</u> | <u>Chức vụ</u> |
|-----------------------|---|
| Ông Nguyễn Xuân Giang | Chủ tịch |
| Ông Trần Công Thành | Thành viên |
| Ông Vũ Thế Đức | Thành viên |
| Ông Bùi Tuấn Ngọc | Thành viên |
| Ông Lê Duy Hiệp | Thành viên |
| Ông Nguyễn Bích Lân | Thành viên |
| Ông Trương Minh Long | Thành viên (Từ trần ngày 01 tháng 01 năm 2021) |
| Ông Lương Ngọc Bảo | Thành viên (Miễn nhiệm ngày 30 tháng 06 năm 2020) |

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

| <u>Tên</u> | <u>Chức vụ</u> |
|--------------------------|---|
| Ông Thái Văn Toàn | Trưởng ban (Bổ nhiệm ngày 30 tháng 06 năm 2020) |
| Bà Trương Thị Nhung | Trưởng ban (Miễn nhiệm ngày 30 tháng 06 năm 2020) |
| Bà Nguyễn Quốc Thiên Kim | Thành viên |
| Bà Vũ Thị Bình Nguyên | Thành viên |

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

| <u>Tên</u> | <u>Chức vụ</u> |
|---------------------|--|
| Ông Trần Công Thành | Tổng Giám đốc |
| Ông Lê Đại Thắng | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Ngô Trọng Bắc | Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 15 tháng 07 năm 2020) |
| Ông Tăng Anh Quốc | Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 15 tháng 07 năm 2020) |

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Địa chỉ: Số 02 Bích Cầu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính riêng được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính riêng.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Trần Công Thành
Tổng Giám đốc

Thành phố Hà Nội, ngày 08 tháng 03 năm 2021



RSM Vietnam

Lầu 5, Tòa nhà Sài Gòn 3
140 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

T +8428 3827 5026
F +8428 3827 5027

www.rsm.global/vietnam

Số: 163/2021/KT-RSMHCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các thành viên Hội đồng Quản trị**
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính riêng

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 08 tháng 03 năm 2021 từ trang 05 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

THE POWER OF BEING UNDERSTOOD
AUDIT | TAX | CONSULTING

RSM Vietnam is a member of the RSM network and trades as RSM. RSM is the trading name used by the members of the RSM network. Each member of the RSM network is an independent accounting and consulting firm which practices in its own right. The RSM network is not itself a separate legal entity in any jurisdiction.

2858
TY
I AN
V AN
U ON
TP. H

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

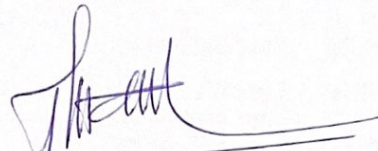
KT. TỔNG GIÁM ĐỐC



Lục Thị Vân

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0172-2018-026-1



Phan Hoài Nam

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
3527-2021-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 03 năm 2021

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TÀI NGOẠI THƯƠNG

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN | Mã số | TM | Tại ngày 31/12/2020 | Tại ngày 01/01/2020 |
|--|------------|------------|------------------------|------------------------|
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 321.970.324.244 | 265.406.577.236 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 4.1 | 73.742.876.908 | 67.517.808.478 |
| 1. Tiền | 111 | | 46.283.474.241 | 47.810.908.716 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 27.459.402.667 | 19.706.899.762 |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | 4.2 | 62.599.856.324 | 56.716.677.934 |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | | 11.275.000.000 | 11.275.000.000 |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | | - | (75.210.000) |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | | 51.324.856.324 | 45.516.887.934 |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 185.627.158.376 | 141.171.704.188 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 4.3 | 125.803.034.366 | 91.383.972.963 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | 4.4 | 45.497.861.283 | 23.385.926.062 |
| 3. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 4.5 | 16.513.142.435 | 27.868.861.171 |
| 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | 4.6 | (2.186.879.708) | (1.467.056.008) |
| IV. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 432.636 | 386.636 |
| 1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | 4.10 | 432.636 | 386.636 |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 259.615.393.218 | 228.754.205.226 |
| I. Tài sản cố định | 220 | | 39.629.690.574 | 45.310.452.541 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | 4.7 | 38.476.806.572 | 44.049.881.019 |
| Nguyên giá | 222 | | 103.984.869.468 | 103.954.510.285 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (65.508.062.896) | (59.904.629.266) |
| 2. Tài sản cố định vô hình | 227 | 4.8 | 1.152.884.002 | 1.260.571.522 |
| Nguyên giá | 228 | | 3.576.338.786 | 3.576.338.786 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (2.423.454.784) | (2.315.767.264) |
| II. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 306.108.900 | 147.239.000 |
| 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | | 306.108.900 | 147.239.000 |
| III. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | 4.2 | 218.465.736.871 | 181.818.200.000 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | 12.000.000.000 | 12.000.000.000 |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | | 188.280.000.000 | 150.780.000.000 |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | 19.038.200.000 | 19.038.200.000 |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | (852.463.129) | - |
| IV. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 1.213.856.873 | 1.478.313.685 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | | 1.213.856.873 | 1.478.313.685 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200) | 270 | | 581.585.717.462 | 494.160.782.462 |

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

| NGUỒN VỐN | Mã số | TM | Tại ngày 31/12/2020 | Tại ngày 01/01/2020 |
|--|------------|--------|------------------------|------------------------|
| C. NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 371.375.784.271 | 283.073.203.790 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 370.375.784.271 | 281.668.203.790 |
| 1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 4.9 | 123.562.888.014 | 104.320.285.658 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | | 1.083.422.059 | 806.152.511 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 4.10 | 2.506.041.504 | 3.271.757.071 |
| 4. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | | 121.045.542 | 148.304.700 |
| 5. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 4.11 | 5.194.754.094 | 8.252.760.954 |
| 6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | 4.12 | 237.904.550.791 | 164.865.860.629 |
| 7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | | 3.082.267 | 3.082.267 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 1.000.000.000 | 1.405.000.000 |
| 1. Phải trả dài hạn khác | 337 | 4.11 | 1.000.000.000 | 1.405.000.000 |
| D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 210.209.933.191 | 211.087.578.672 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | 4.13.1 | 210.209.933.191 | 211.087.578.672 |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 411 | | 119.490.050.000 | 119.490.050.000 |
| Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 119.490.050.000 | 119.490.050.000 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 45.544.394.511 | 45.544.394.511 |
| 3. Cổ phiếu quỹ | 415 | | (817.208.082) | (817.208.082) |
| 4. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | 4.13.4 | 9.400.293.842 | 9.400.293.842 |
| 5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | 4.13.4 | 12.000.000.000 | 11.000.000.000 |
| 6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 24.592.402.920 | 26.470.048.401 |
| LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước | 421a | | 10.697.722.401 | 22.376.686.154 |
| LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | 13.894.680.519 | 4.093.362.247 |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400) | 440 | | 581.585.717.462 | 494.160.782.462 |



Trần Công Thành

Tổng Giám đốc

Thành phố Hà Nội, ngày 08 tháng 03 năm 2021

Đỗ Thị Thu Hiền

Kế toán trưởng

Lục Thị Minh Trang

Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | TM | Năm 2020 | Năm 2019 |
|--|-------|-----|-----------------------|-----------------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 5.1 | 722.213.409.371 | 572.324.310.237 |
| 2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 722.213.409.371 | 572.324.310.237 |
| 3. Giá vốn hàng bán | 11 | 5.2 | 685.810.553.692 | 543.237.697.521 |
| 4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 36.402.855.679 | 29.086.612.716 |
| 5. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 5.3 | 11.686.998.853 | 12.870.817.984 |
| 6. Chi phí tài chính | 22 | 5.4 | 15.069.000.301 | 13.006.558.665 |
| <i>Trong đó, chi phí lãi vay</i> | 23 | | <i>13.447.464.984</i> | <i>12.637.828.498</i> |
| 7. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 5.5 | 18.216.278.163 | 19.319.278.701 |
| 8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 14.804.576.068 | 9.631.593.334 |
| 9. Thu nhập khác | 31 | | 186.647.708 | 49.633.984 |
| 10. Chi phí khác | 32 | | 340.563.734 | 869.968.441 |
| 11. Lợi nhuận khác | 40 | | (153.916.026) | (820.334.457) |
| 12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 14.650.660.042 | 8.811.258.877 |
| 13. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | 5.7 | 755.979.523 | 4.717.896.630 |
| 14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | 13.894.680.519 | 4.093.362.247 |



Trần Công Thành
Tổng Giám đốc

Thành phố Hà Nội, ngày 08 tháng 03 năm 2021

Đỗ Thị Thu Hiền
Kế toán trưởng

Lục Thị Minh Trang
Người lập

01

02
03
04
05
06
07
08
09
10
11
12
13
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24
25
26
27
28
29
30
31
32
33
34
35
36
37
38
39
40
41
42
43
44
45
46
47
48
49
50
51
52
53
54
55
56
57
58
59
60

013

02
03
04
05
06
07
08
09
10
11
12
13
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24
25
26
27
28
29
30
31
32
33
34
35
36
37
38
39
40
41
42
43
44
45
46
47
48
49
50
51
52
53
54
55
56
57
58
59
60

013

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | TM | Năm 2020 | Năm 2019 |
|--|-------|-----|------------------|------------------|
| I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 14.650.660.042 | 8.811.258.877 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | | |
| Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT | 02 | 5.6 | 5.903.156.456 | 6.704.377.708 |
| Các khoản dự phòng | 03 | | 1.497.076.829 | 112.352.805 |
| Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | 5.4 | 221.321.420 | 19.321.953 |
| Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | | (10.648.671.831) | (11.756.601.795) |
| Chi phí lãi vay | 06 | 5.4 | 13.447.464.984 | 12.637.828.498 |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động | 08 | | 25.071.007.900 | 16.528.538.046 |
| Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | (48.415.618.344) | (6.971.960.858) |
| Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11 | | 17.766.319.525 | 12.056.703.127 |
| Tăng giảm chi phí trả trước | 12 | | 264.456.812 | 298.071.895 |
| Tiền lãi vay đã trả | 14 | | (13.447.464.984) | (12.637.828.498) |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | | (1.571.781.528) | (3.305.276.495) |
| Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | | - | 638.000.000 |
| Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh | 17 | | (2.243.000.000) | (951.333.333) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | (22.576.080.619) | 5.654.913.884 |
| II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 21 | | (893.454.627) | (1.702.729.546) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 22 | | 680.000.000 | - |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác | 23 | | (6.407.968.390) | (14.500.000.000) |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | 600.000.000 | 14.500.000.000 |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | (37.500.000.000) | (5.000.000.000) |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | 8.725.000.000 | 34.611.000.000 |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 4.996.156.525 | 4.594.017.772 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (29.800.266.492) | 32.502.288.226 |

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | TM | Năm 2020 | Năm 2019 |
|---|-----------|------------|-----------------------|-------------------------|
| III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | | |
| 1. Tiền thu từ đi vay | 33 | 6.1 | 683.177.366.645 | 526.550.834.630 |
| 2. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | 6.2 | (610.138.676.483) | (541.152.176.036) |
| 3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | (14.272.326.000) | (14.272.326.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | 58.766.364.162 | (28.873.667.406) |
| LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM (50 = 20+30+40) | 50 | | 6.390.017.051 | 9.283.534.704 |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | | 67.517.808.478 | 58.176.373.251 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | (164.948.621) | 57.900.523 |
| TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM (70 = 50+60+61) | 70 | 4.1 | 73.742.876.908 | 67.517.808.478 |



Trần Công Thành
Tổng Giám đốc

Thành phố Hà Nội, ngày 08 tháng 03 năm 2021

Đỗ Thị Thu Hiền
Kế toán trưởng

Lục Thị Minh Trang
Người lập

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là chi nhánh Hà Nội của Công ty Giao Nhận Kho Vận Ngoại Thương Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 30 tháng 12 năm 2002, Chi nhánh được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0103002086 ngày 07 tháng 04 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 30 tháng 11 năm 2018.

Ngày 07 tháng 08 năm 2009 Công ty chính thức được cấp phép đăng ký giao dịch chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam theo Quyết định số 38/2009/GCNCP-TTLK ngày 07 tháng 08 năm 2009 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam. Ngày 10 tháng 08 năm 2009, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 42/GCN-SGDHN ngày 10 tháng 08 năm 2009 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 119.490.050.000 VND, được chi tiết như sau:

| Nhà đầu tư | Quốc gia/ Quốc tịch | Tại ngày 31/12/2020 | | Tại ngày 01/01/2020 | |
|---|------------------------|------------------------|--------------|------------------------|--------------|
| | | Giá trị (VND) | Tỷ lệ (%) | Giá trị (VND) | Tỷ lệ (%) |
| Công ty Cổ phần Vinafreight | Việt Nam | 29.615.000.000 | 24,78 | 29.615.000.000 | 24,78 |
| Công ty Cổ phần VNT Holdings | Việt Nam | 27.780.000.000 | 23,25 | 13.537.000.000 | 11,33 |
| Công ty Cổ phần Transimex | Việt Nam | 18.591.400.000 | 15,56 | 15.511.400.000 | 12,98 |
| Lionas Fund Co.,LTD | Nhật Bản | 17.136.000.000 | 14,34 | 17.136.000.000 | 14,34 |
| Công ty Cổ phần Giao Nhận Kho Vận Ngoại Thương Việt Nam | Việt Nam | 9.000.000.000 | 7,53 | 9.000.000.000 | 7,53 |
| Các đối tượng khác | | 17.367.650.000 | 14,54 | 34.690.650.000 | 29,04 |
| Cộng | | 119.490.050.000 | 100 | 119.490.050.000 | 100 |

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 2 Bích Cầu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 235 (31/12/2019: 297).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Giao nhận, tiếp vận.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Bốc xếp hàng hóa: xếp hàng hóa hoặc hành lý của khách hàng lên tàu biển hoặc dỡ hàng hóa, hành lý của hành khách từ tàu biển, bốc vác hàng hóa tại cảng biển;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải:
 - + Kinh doanh các dịch vụ về giao nhận, vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu;
 - + Môi giới thuê và cho thuê tàu cho các chủ hàng và chủ tàu trong và ngoài nước;
 - + Đại lý giao nhận cho các hãng giao nhận và vận tải nước ngoài;
 - + Đại lý tàu biển;
 - + Kinh doanh vận tải hàng hoá đa phương thức;
 - + Dịch vụ thương mại và dịch vụ có liên quan đến giao nhận vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu (thủ tục hải quan, tái chế, bao bì, kiểm kiện hàng hoá xuất nhập khẩu);
- Đại lý, môi giới, đấu giá: môi giới hàng hải;
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp: kinh doanh siêu thị, trung tâm thương mại;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại: tổ chức hội chợ triển lãm, hội nghị, hội thảo, trưng bày, giới thiệu sản phẩm hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu: kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp và nhận ủy thác xuất nhập khẩu;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: kinh doanh cho thuê văn phòng làm việc, kho bãi;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ:
 - + Kinh doanh vận tải hàng hóa nội địa và quá cảnh;
 - + Kinh doanh các dịch vụ về vận tải hàng xuất nhập khẩu;
 - + Vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng, hàng quá khổ, quá tải;
 - + Kinh doanh vận tải hàng hóa nội địa và quá cảnh.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có các công ty con, liên doanh, liên kết và đơn vị trực thuộc như sau:

| Tên | Địa chỉ | Tỷ lệ quyền biểu quyết | Tỷ lệ vốn góp | Tỷ lệ lợi ích |
|---|---|------------------------|---------------|---------------|
| Công ty con: | | | | |
| Công ty TNHH Giao nhận vận tải Hà Thành | Số 2 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 100% | 100% | 100% |
| Công ty liên doanh, liên kết: | | | | |
| Công ty Cổ phần Cảng Mipec | Bán đảo Đỉnh Vũ - Khu KT Đỉnh Vũ Cát Hải, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam | 30% | 30% | 30% |

Đơn vị trực thuộc tính đến 31 tháng 12 năm 2020 là chi nhánh Hải Phòng, địa chỉ tại số 208 Đường Chùa Vẽ, Phường Đông Hải 1, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Ngoại tệ

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ;
- Các loại tỷ giá áp dụng trong giao dịch khác là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

3.2. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc về tất cả những thông tin liên quan có sẵn tại ngày lập báo cáo tài chính riêng, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

361
ĐN
TN
TOÁN
4 VI
T.F
361
C
3100 M
NGO.
ONG

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

3.4. Đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán và các công cụ tài chính khác nắm giữ vì mục đích kinh doanh (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời) tại thời điểm báo cáo.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh bao gồm: Giá mua và các chi phí mua như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản như các khoản tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty con khi Công ty có quyền kiểm soát các chính sách và hoạt động, thường thể hiện qua việc nắm giữ hơn 50% quyền biểu quyết.

Các khoản đầu tư vào công ty con được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Công ty nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

Đầu tư khác

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

13
T
H
T
N
13
NG
PH
H
T
A

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính

Đối với các khoản đầu tư chứng khoán

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng, đối với các khoản đầu tư chứng khoán niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán trong nước và là chứng khoán mua bán tự do trên thị trường khi giá chứng khoán thực tế trên thị trường thấp hơn giá trị của khoản đầu tư chứng khoán đang hạch toán trên sổ kế toán, dự phòng tổn thất các khoản đầu tư chứng khoán được trích lập để phản ánh khoản lỗ do tổn thất với mức tối đa bằng giá trị đầu tư thực tế đang hạch toán trên sổ kế toán để bảo đảm phản ánh giá trị các khoản đầu tư không cao hơn giá trên thị trường.

Đối với các khoản đầu tư khác

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng, đối với các khoản đầu tư khác không phải là đầu tư chứng khoán niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán trong nước và không phải là chứng khoán tự do mua bán trên thị trường, dự phòng tổn thất các khoản đầu tư khác được trích lập khi có cơ sở cho thấy có giá trị suy giảm so với giá trị đầu tư của doanh nghiệp với mức trích lập phù hợp với mức quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính nhưng tối đa bằng giá trị đầu tư thực tế đang hạch toán trên sổ kế toán.

3.5. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với mức quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị các khoản nợ phải thu không cao hơn giá trị có thể thu hồi được.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có).

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

286
T
I
A
N
V
A
N
T
A
I
C
H
I
N
H

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

| | |
|----------------------------------|-------------|
| ▪ Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 - 24 năm |
| ▪ Máy móc thiết bị | 03 - 10 năm |
| ▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn | 06 - 10 năm |
| ▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 05 năm |
| ▪ Khác | 04 năm |

3.7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế là giá trị quyền sử dụng diện tích đất tại số 02 phố Bích Cầu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội trong 20 năm; quyền sử dụng diện tích đất tại Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng trong 50 năm và quyền sử dụng lâu dài diện tích đất tại Số 208 Đường Chùa Vẽ, Phường Đông Hải 1, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng.

Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

3.8. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.9. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.10. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo qui định trong Điều lệ Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.11. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thu nhập đầu tư

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

3.12. Giá vốn hàng bán

Giá vốn cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

3.13. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay và lỗ tỷ giá hối đoái.

02
C
M
RS
M. Q
C
GIAO
NG
CÔNG

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.10. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo qui định trong Điều lệ Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.11. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thu nhập đầu tư

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

3.12. Giá vốn hàng bán

Giá vốn cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

3.13. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay và lỗ tỷ giá hối đoái.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.14. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

3.15. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Cước vận chuyển quốc tế: 0%
- Phí dịch vụ chứng từ và các dịch vụ khác: 10%

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.17. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.18. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

15
TN
TN
OAI
: VI
: P
101
: OAI
CỔ
: NH
: OAI
S D

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.19. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | Tại ngày 31/12/2020 VND | Tại ngày 01/01/2020 VND |
|---------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Tiền mặt | 5.194.219.815 | 7.684.261.512 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 41.089.254.426 | 40.126.647.204 |
| Các khoản tương đương tiền | 27.459.402.667 | 19.706.899.762 |
| Cộng | 73.742.876.908 | 67.517.808.478 |

Giá trị các khoản tiền gửi có kỳ hạn là tương đương tiền đã dùng để đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm mục 4.12.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Địa chỉ: Số 02 Bích Cầu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.2. Các khoản đầu tư tài chính**

Chứng khoán kinh doanh được chi tiết như sau:

| | Tại ngày 31/12/2020 | | | Tại ngày 01/01/2020 | | |
|--|-----------------------|-----------------------|----------|-----------------------|-----------------------|---------------------|
| | Giá gốc | Giá trị hợp lý | Dự phòng | Giá gốc | Giá trị hợp lý | Dự phòng |
| Đầu tư cổ phiếu: | | | | | | |
| Cổ phiếu Công ty CP Logistics Vinalink | 6.900.000.000 | 8.644.734.000 | - | 6.900.000.000 | 6.824.790.000 | (75.210.000) |
| Cổ phiếu Công ty CP Vinalfreight | 4.375.000.000 | 9.135.000.000 | - | 4.375.000.000 | 8.557.500.000 | - |
| Cộng | 11.275.000.000 | 17.779.734.000 | - | 11.275.000.000 | 15.382.290.000 | (75.210.000) |

Công ty đã xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty CP Logistics Vinalink và Công ty CP Vinalfreight trên cơ sở giá niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán và số lượng cổ phiếu mà Công ty đang nắm giữ.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 06 đến 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng TMCP Á Châu với lãi suất từ 3,9% đến 6,3%/năm. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn này đang được dùng để đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm mục 4.12.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Địa chỉ: Số 02 Bích Cầu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

| | Tại ngày 31/12/2020 | | | Tại ngày 01/01/2020 | | |
|--|------------------------|----------------|----------------------|------------------------|----------------|----------|
| | Giá gốc | Giá trị hợp lý | Dự phòng | Giá gốc | Giá trị hợp lý | Dự phòng |
| Đầu tư vào công ty con: | | | | | | |
| Công ty TNHH Giao nhận vận tải Hà Thành | 12.000.000.000 | (*) | - | 12.000.000.000 | (*) | - |
| Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết: | | | | | | |
| Công ty Cổ phần Cảng Mipec | 188.280.000.000 | (*) | - | 150.780.000.000 | (*) | - |
| Đầu tư vào đơn vị khác: | | | | | | |
| Công ty TNHH Mitsui Soko Việt Nam | 2.260.000.000 | (*) | (852.463.129) | 2.260.000.000 | (*) | - |
| Công ty CP Dịch vụ Logistics Thăng Long | 16.778.200.000 | (*) | - | 16.778.200.000 | (*) | - |
| Cộng | 19.038.200.000 | | (852.463.129) | 19.038.200.000 | | - |
| Tổng cộng | 219.318.200.000 | | (852.463.129) | 181.818.200.000 | | - |

(*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | Tại ngày 31/12/2020 VND | Tại ngày 01/01/2020 VND |
|---|-------------------------------|-------------------------------|
| Phải thu khách hàng là các bên liên quan – Xem thêm mục 7 | 385.897.000 | 15.444.904 |
| Phải thu từ khách hàng: | | |
| Công ty TNHH Thương mại Đầu tư Nhật Phương | 5.300.180.797 | - |
| Trinity Logistics (H.K.) Co., Ltd | - | 9.459.606.313 |
| Các khách hàng khác | 120.116.956.569 | 81.908.921.746 |
| Cộng | <u>125.803.034.366</u> | <u>91.383.972.963</u> |

Tại ngày 31/12/2020, phải thu các khách hàng khác ngắn hạn có số dư mỗi khách hàng dưới 10% tổng số phải thu khách hàng ngắn hạn.

4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | Tại ngày 31/12/2020 VND | Tại ngày 01/01/2020 VND |
|---|-------------------------------|-------------------------------|
| Trả trước cho người bán là các bên liên quan – Xem thêm mục 7 | 39.808.746.796 | 17.689.888.123 |
| Trả trước cho người bán: | | |
| Regional Container Lines Public Company | 4.684.236.602 | 3.912.814.461 |
| Các nhà cung cấp khác | 1.004.877.885 | 1.783.223.478 |
| Cộng | <u>45.497.861.283</u> | <u>23.385.926.062</u> |

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TÀI NGOẠI THƯƠNG

Địa chỉ: Số 02 Bích Cầu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.5. Phải thu ngắn hạn khác**

| | Tại ngày 31/12/2020 | | Tại ngày 01/01/2020 | |
|---|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Phải thu do trả hộ bà Nguyễn Thị Thanh Hương về mua cổ phần Công ty CP Cảng Mipec | - | - | 8.725.000.000 | - |
| Ký quỹ | 8.201.960.000 | - | 9.710.460.000 | - |
| Tạm ứng cho nhân viên | 2.952.700.421 | - | 3.681.749.480 | - |
| Phải thu khác | 5.293.012.925 | - | 5.610.097.141 | - |
| Tạm ứng cho bên liên quan – Xem thêm mục 7 | 65.469.089 | - | 141.554.550 | - |
| Cộng | 16.513.142.435 | - | 27.868.861.171 | - |

4.6. Nợ xấu

| | Tại ngày 31/12/2020 | | Tại ngày 01/01/2020 | |
|---|----------------------|------------------------|----------------------|------------------------|
| | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi |
| Công ty TNHH MTV Chế tạo Thiết bị và Đóng tàu Hải Phòng | 1.115.620.730 | - | 1.115.620.730 | - |
| Các khách hàng khác | 3.169.463.356 | 2.098.204.378 | 681.247.703 | 329.812.425 |
| Cộng | 4.285.084.086 | 2.098.204.378 | 1.796.868.433 | 329.812.425 |

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Địa chỉ: Số 02 Bích Cầu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.7. Tặng, giảm tài sản cố định hữu hình**

| Khoản mục | Nhà cửa, vật kiến trúc VND | Máy móc, thiết bị VND | Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND | Thiết bị, dụng cụ quản lý VND | Tài sản cố định hữu hình khác VND | Cộng VND |
|----------------------------|----------------------------|-----------------------|-------------------------------------|-------------------------------|-----------------------------------|------------------------|
| Nguyên giá: | | | | | | |
| Tại ngày 01/01/2020 | 52.386.197.589 | 10.733.808.915 | 39.230.310.829 | 804.822.952 | 799.370.000 | 103.954.510.285 |
| Mua trong năm | - | 36.900.000 | 630.684.727 | 67.000.000 | - | 734.584.727 |
| Thanh lý, nhượng bán | - | - | (597.975.000) | (106.250.544) | - | (704.225.544) |
| Tại ngày 31/12/2020 | 52.386.197.589 | 10.770.708.915 | 39.263.020.556 | 765.572.408 | 799.370.000 | 103.984.869.468 |
| Giá trị hao mòn lũy kế: | | | | | | |
| Tại ngày 01/01/2020 | 17.172.966.042 | 6.437.642.825 | 34.837.689.881 | 656.960.518 | 799.370.000 | 59.904.629.266 |
| Khấu hao trong năm | 2.933.820.563 | 939.844.652 | 1.861.163.965 | 60.639.756 | - | 5.795.468.936 |
| Thanh lý, nhượng bán | - | - | (85.784.762) | (106.250.544) | - | (192.035.306) |
| Tại ngày 31/12/2020 | 20.106.786.605 | 7.377.487.477 | 36.613.069.084 | 611.349.730 | 799.370.000 | 65.508.062.896 |
| Giá trị còn lại: | | | | | | |
| Tại ngày 01/01/2020 | 35.213.231.547 | 4.296.166.090 | 4.392.620.948 | 147.862.434 | - | 44.049.881.019 |
| Tại ngày 31/12/2020 | 32.279.410.984 | 3.393.221.438 | 2.649.951.472 | 154.222.678 | - | 38.476.806.572 |

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình là 803.733.308 VND đã được dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm mục 4.12.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 37.677.672.571 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Địa chỉ: Số 02 Bích Cầu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

| Khoản mục | Quyền sử dụng đất VND | Phần mềm máy tính VND | Cộng VND |
|----------------------------|-----------------------------|-----------------------------|----------------------|
| Nguyên giá: | | | |
| Tại ngày 01/01/2020 | 2.642.410.677 | 933.928.109 | 3.576.338.786 |
| Mua trong năm | - | - | - |
| Tại ngày 31/12/2020 | 2.642.410.677 | 933.928.109 | 3.576.338.786 |
| Giá trị hao mòn lũy kế: | | | |
| Tại ngày 01/01/2020 | 1.557.722.109 | 758.045.155 | 2.315.767.264 |
| Khấu hao trong năm | 16.316.244 | 91.371.276 | 107.687.520 |
| Tại ngày 31/12/2020 | 1.574.038.353 | 849.416.431 | 2.423.454.784 |
| Giá trị còn lại: | | | |
| Tại ngày 01/01/2020 | 1.084.688.568 | 175.882.954 | 1.260.571.522 |
| Tại ngày 31/12/2020 | 1.068.372.324 | 84.511.678 | 1.152.884.002 |

Nguyên giá của TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 2.187.479.178 VND.

(Xem trang tiếp theo)

9.5
T.Y
P.H.A

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.9. Phải trả người bán ngắn hạn**

| | Tại ngày 31/12/2020 | | Tại ngày 01/01/2020 | |
|---|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| Phải trả cho các bên liên quan – Xem thêm mục 7 | 170.689.408 | 170.689.408 | 1.160.660.384 | 1.160.660.384 |
| Phải trả cho người bán: | | | | |
| Regional Container Lines Public Co., | 51.784.365.011 | 51.784.365.011 | 56.952.884.308 | 56.952.884.308 |
| VP bán vé Hãng hàng không Korean Air tại TP. Hà Nội | 10.597.206.674 | 10.597.206.674 | 5.134.228.169 | 5.134.228.169 |
| Qatar Airway Group | 4.844.260.932 | 4.844.260.932 | 365.369.792 | 365.369.792 |
| Phải trả cho các đối tượng khác | 56.166.365.989 | 56.166.365.989 | 40.707.143.005 | 40.707.143.005 |
| Cộng | 123.562.888.014 | 123.562.888.014 | 104.320.285.658 | 104.320.285.658 |

4.10. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

| | Tại ngày 31/12/2020 | | Trong năm | | Tại ngày 01/01/2020 | |
|-------------------------------------|---------------------|----------------------|-----------------------|-----------------------|---------------------|----------------------|
| | Phải thu | Phải nộp | Phải nộp | Đã nộp | Phải thu | Phải nộp |
| Thuế giá trị gia tăng phải nộp | - | 562.572.777 | 6.065.515.545 | 6.005.988.096 | - | 503.045.328 |
| Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 432.636 | - | - | 46.000 | 386.636 | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | - | 755.979.523 | 1.800.316.802 | 2.616.118.807 | - | 1.571.781.528 |
| Thuế thu nhập cá nhân | - | 418.371.048 | 3.884.646.468 | 3.651.247.781 | - | 184.972.361 |
| Các loại thuế khác | - | 769.118.156 | 9.723.569.003 | 9.966.408.701 | - | 1.011.957.854 |
| Cộng | 432.636 | 2.506.041.504 | 21.474.047.818 | 22.239.809.385 | 386.636 | 3.271.757.071 |



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.11. Phải trả khác

| | Tại ngày 31/12/2020 VND | Tại ngày 01/01/2020 VND |
|-----------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Ngắn hạn: | | |
| Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 4.193.472.383 | 7.291.422.383 |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác | 1.001.281.711 | 961.338.571 |
| Cộng | 5.194.754.094 | 8.252.760.954 |
| Dài hạn: | | |
| Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn | 1.000.000.000 | 1.405.000.000 |

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.12. Vay

| | Tại ngày 31/12/2020 | | Trong năm | | Tại ngày 01/01/2020 | |
|---|---------------------|-----------------------|----------------------------|----------------------------|----------------------------|----------------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Tăng | Giảm | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| Vay ngắn hạn | 237.904.550.791 | 237.904.550.791 | 683.177.366.645 | 610.138.676.483 | 164.865.860.629 | 164.865.860.629 |
| Các khoản vay ngắn hạn được chi tiết như sau: | | | | | | |
| Ngân hàng | Loại tiền | Lãi suất | Tại ngày 31/12/2020 | Tại ngày 01/01/2020 | Tại ngày 31/12/2020 | Tại ngày 01/01/2020 |
| | | | VND | VND | VND | VND |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam | VND | 7,5%/năm | 184.973.062.228 | 124.138.819.868 | 184.973.062.228 | 124.138.819.868 |
| Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam | VND | 6,5% - 7,5%/năm | 14.822.966.952 | 7.870.513.020 | 14.822.966.952 | 7.870.513.020 |
| Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt | VND | 7,5%/năm | 24.405.662.308 | 18.205.480.305 | 24.405.662.308 | 18.205.480.305 |
| Ngân hàng TMCP Á Châu | VND | 7,5%/năm | 13.702.859.303 | 14.651.047.436 | 13.702.859.303 | 14.651.047.436 |
| Cộng | | | 237.904.550.791 | 164.865.860.629 | 237.904.550.791 | 164.865.860.629 |

Các khoản vay được đảm bảo bằng các khoản tiền gửi có kỳ hạn – Xem thêm mục 4.1 và mục 4.2, được chi tiết như sau:

- (a) Khoản vay được bảo đảm bằng:
- Hợp đồng tiền gửi số 163/2017/HDTG.TX với tổng trị giá 20.000.000.000 VND;
 - Hợp đồng tiền gửi số 506/2017/HDTG.TX với tổng trị giá 1.000.000.000 VND;
 - Hợp đồng tiền gửi số 457/2019/HDTG.TX với tổng trị giá 3.000.000.000 VND;
 - Hợp đồng tiền gửi số 461/2019/HDTG.TX với tổng trị giá 3.000.000.000 VND;
 - Hợp đồng tiền gửi số 659/2019/HDTG.TX với tổng trị giá 500.000.000 VND;
 - Hợp đồng tiền gửi số 142/2020/HDTG.TX với tổng trị giá 2.300.000.000 VND;
 - Hợp đồng tiền gửi số 180/2020/HDTG.TX với tổng trị giá 1.000.000.000 VND;
 - Hợp đồng tiền gửi số 571/2020/HDTG.TX với tổng trị giá 2.000.000.000 VND;
 - Hợp đồng tiền gửi số 658/2020/HDTG.TX với tổng trị giá 1.000.000.000 VND;

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

- Hợp đồng tiền gửi số 564/2020/HDTG.TX với tổng trị giá 1.000.000.000 VND;
 - Hợp đồng tiền gửi số 555/2020/HDTG.TX với tổng trị giá 100.000 USD;
 - Hợp đồng tiền gửi số 194/2020HDTG.TX với tổng trị giá 50.000 USD;
 - Hợp đồng tiền gửi số 657/2020/HDTG.TX với tổng trị giá 100.000 USD;
 - Tài sản cố định là một số phương tiện vận tải có giá trị còn lại tại ngày 31/12/2020 là 803.733.308 VND – Xem thêm mục 4.7.
- (b) Khoản vay được đảm bảo bằng các tài khoản tiền gửi số 0975000004676, 0975000005196, 0975000017086 tại ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam với tổng giá trị là 12.000.000.000 VND.
- (c) Khoản vay được đảm bảo bằng:
- Hợp đồng tiền gửi số 01/2019/HDTGCKH-LPB-VNT, kỳ hạn 7 tháng, giá trị 1.500.000.000 VND;
 - Hợp đồng tiền gửi số 04/2017/HDTG-LPBHP-VNT, kỳ hạn 03 tháng, giá trị 2.300.000.000 VND;
 - Hợp đồng tiền gửi số 05/2017/HDTG-LPBHP-VNT, kỳ hạn 01 tháng, giá trị 145.000 USD;
 - Hợp đồng tiền gửi số 06/2018/HDTG-LPBHP-VNT, kỳ hạn 03 tháng, giá trị 1.200.000.000 VND;
 - Hợp đồng tiền gửi số 07/2018/HDTG-LPBHP-VNT, kỳ hạn 03 tháng, giá trị 1.800.000.000 VND;
 - Hợp đồng tiền gửi số 08/2018/HDTG-LPBHP-VNT, kỳ hạn 03 tháng, giá trị 2.200.251.159 VND;
 - Hợp đồng tiền gửi số 09/2018/HDTGCKH-LPB-VNT kỳ hạn 03 tháng, giá trị 2.860.326.508 VND.

(d) Khoản vay được đảm bảo bằng thỏa thuận tiền gửi có kỳ hạn (VND) số tài khoản 244736619, 244737169, số 252457009, số 273684929, số 27869539 tại Ngân hàng TMCP A Châu trị giá 10.774.856.324 VND.

(Xem trang tiếp theo)



CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Địa chỉ: Số 02 Bích Cầu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.13. Vốn chủ sở hữu

4.13.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

| | Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu | | | | |
|---------------------------------|------------------------------------|--------------------------|------------------|--|------------------|
| | Vốn góp của chủ sở hữu VND | Thặng dư vốn cổ phần VND | Cổ phiếu quỹ VND | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và các quỹ VND | Cộng VND |
| Tại ngày 01/01/2019 | 119.490.050.000 | 45.544.394.511 | (817.208.082) | 57.365.721.596 | 221.582.958.025 |
| Lãi trong năm trước | - | - | - | 4.093.362.247 | 4.093.362.247 |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | - | - | - | (316.415.600) | (316.415.600) |
| Chia cổ tức | - | - | - | (14.272.326.000) | (14.272.326.000) |
| Tại ngày 01/01/2020 | 119.490.050.000 | 45.544.394.511 | (817.208.082) | 46.870.342.243 | 211.087.578.672 |
| Lãi trong năm nay | - | - | - | 13.894.680.519 | 13.894.680.519 |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | - | - | - | (500.000.000) | (500.000.000) |
| Chia cổ tức | - | - | - | (14.272.326.000) | (14.272.326.000) |
| Tại ngày 31/12/2020 | 119.490.050.000 | 45.544.394.511 | (817.208.082) | 45.992.696.762 | 210.209.933.191 |

(Xem trang tiếp theo)

(Handwritten signatures and stamps in red ink)

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.13.2. Cổ phiếu**

| | Tại ngày 31/12/2020 | Tại ngày 01/01/2020 |
|---|------------------------|------------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 11.949.005 | 11.949.005 |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng | 11.949.005 | 11.949.005 |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại (cổ phiếu quỹ) | 55.400 | 55.400 |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành | 11.893.605 | 11.893.605 |

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

4.13.3. Cổ tức

| | Năm 2020 VND | Năm 2019 VND |
|---|-----------------|-----------------|
| Cổ tức đã trả trên mỗi cổ phần của cổ phiếu phổ thông | 1.200 | 1.200 |

4.13.4. Các quỹ của doanh nghiệp

| | Quỹ đầu tư phát triển VND | Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND |
|----------------------------|---------------------------------|---|
| Tại ngày 01/01/2020 | 9.400.293.842 | 11.000.000.000 |
| Trích trong năm | - | 1.000.000.000 |
| Tại ngày 31/12/2020 | 9.400.293.842 | 12.000.000.000 |

4.14. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

| | Tại ngày 31/12/2020 | Tại ngày 01/01/2020 |
|--------------------|------------------------|------------------------|
| Ngoại tệ các loại: | | |
| USD | 801.864,50 | 465.553,40 |
| EUR | 680,86 | 445.256,11 |
| SGD | 12.516,58 | 680,86 |

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Địa chỉ: Số 02 Bích Cầu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

| | Năm 2020 VND | Năm 2019 VND |
|---|------------------------|------------------------|
| Cước vận chuyển hàng không | 453.956.435.495 | 348.777.341.527 |
| Cước vận chuyển đường biển | 183.998.607.884 | 135.408.314.407 |
| Doanh thu dịch vụ khác | 84.258.365.992 | 88.138.654.303 |
| Cộng | 722.213.409.371 | 572.324.310.237 |
| Trong đó, doanh thu cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan – Xem thêm mục 7 | 39.218.418.183 | 23.159.770.194 |

5.2. Giá vốn hàng bán

| | Năm 2020 VND | Năm 2019 VND |
|---------------------------|------------------------|------------------------|
| Chi phí nhân công | 40.781.623.074 | 36.910.422.936 |
| Chi phí công cụ, dụng cụ | 275.776.628 | 373.348.389 |
| Chi phí khấu hao TSCĐ | 4.816.426.161 | 5.514.092.744 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 625.499.112.739 | 487.432.635.114 |
| Chi phí bằng tiền khác | 14.437.615.090 | 13.007.198.338 |
| Cộng | 685.810.553.692 | 543.237.697.521 |

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

| | Năm 2020 VND | Năm 2019 VND |
|-----------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Cổ tức, lợi nhuận được chia | 6.374.265.544 | 8.436.164.023 |
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 4.106.596.525 | 3.320.437.772 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá | 1.206.136.784 | 1.114.216.189 |
| Cộng | 11.686.998.853 | 12.870.817.984 |

5.4. Chi phí tài chính

| | Năm 2020 VND | Năm 2019 VND |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Lãi tiền vay | 13.447.464.984 | 12.637.828.498 |
| Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư | 852.463.129 | - |
| Hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư | (75.000.000) | - |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá | 622.750.768 | 349.408.214 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 221.321.420 | 19.321.953 |
| Cộng | 15.069.000.301 | 13.006.558.665 |

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

| | Năm 2020 VND | Năm 2019 VND |
|---------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí nhân viên quản lý | 8.476.730.258 | 7.522.117.636 |
| Chi phí khấu hao | 1.086.730.295 | 1.190.284.964 |
| Chi phí dự phòng | 719.823.700 | 37.142.805 |
| Chi phí bằng tiền khác | 7.932.993.910 | 10.569.733.296 |
| Cộng | 18.216.278.163 | 19.319.278.701 |

5.6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | Năm 2020 VND | Năm 2019 VND |
|----------------------------------|------------------------|------------------------|
| Chi phí nhân công | 49.258.353.332 | 44.432.540.572 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 5.903.156.456 | 6.704.377.708 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 625.499.112.739 | 487.432.635.114 |
| Dự phòng phải thu khó đòi | 719.823.700 | 37.142.805 |
| Chi phí khác bằng tiền | 22.646.385.628 | 23.950.280.023 |
| Cộng | 704.026.831.855 | 562.556.976.222 |

5.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

| | Năm 2020 VND | Năm 2019 VND |
|---|--------------------|----------------------|
| Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm | 14.650.660.042 | 8.811.258.877 |
| Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng | 725.189.511 | 7.772.237.039 |
| Trừ: Cổ tức và lợi nhuận sau thuế được chia | (6.374.265.544) | (8.436.164.023) |
| Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh | 9.001.584.009 | 8.147.331.893 |
| Thuế suất thuế TNDN hiện hành | 20% | 20% |
| Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh | 1.800.316.802 | 1.629.466.379 |
| Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước | (1.044.337.279) | 3.088.430.251 |
| Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành | 755.979.523 | 4.717.896.630 |

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí/thu nhập khi tính thuế.

10/10
CỔ
C
ON
GO.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****6.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm**

| | Năm 2020 VND | Năm 2019 VND |
|---|-----------------|-----------------|
| Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường | 683.177.366.645 | 526.550.834.630 |

6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

| | Năm 2020 VND | Năm 2019 VND |
|--|-------------------|-------------------|
| Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường | (610.138.676.483) | (541.152.176.036) |

7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**Danh sách các bên liên quan****Mối quan hệ**

- | | |
|--|--------------------------|
| 1. Công ty TNHH Giao nhận vận tải Hà Thành | Công ty con |
| 2. Công ty Cổ phần Cảng Mipec | Công ty liên kết |
| 3. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc | Nhân sự quản lý chủ chốt |

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

| | Tại ngày 31/12/2020 VND | Tại ngày 01/01/2020 VND |
|--|--|--|
| Công ty TNHH Giao nhận vận tải Hà Thành: | | |
| Phải thu thương mại – Xem thêm mục 4.3 | 385.897.000 | 15.444.904 |
| Trả trước cho người bán – Xem thêm mục 4.4 | 39.808.746.796 | 17.689.888.123 |
| Phải trả thương mại – Xem thêm mục 4.9 | (170.689.408) | (1.160.660.384) |
| | Tại ngày 31/12/2020 VND | Tại ngày 01/01/2020 VND |
| Tạm ứng – Xem thêm mục 4.5: | | |
| Ông Trần Công Thành – Tổng Giám đốc | 65.469.089 | 141.554.550 |

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

| | Năm 2020 VND | Năm 2019 VND |
|--|-----------------|-----------------|
| Công ty TNHH Giao nhận vận tải Hà Thành: | | |
| Cung cấp dịch vụ – Xem thêm mục 5.1 | 39.218.418.183 | 23.159.770.194 |
| Mua dịch vụ | 11.360.373.756 | 6.390.207.964 |

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Địa chỉ: Số 02 Bích Cầu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong năm như sau:

| Tên | Chức vụ | Năm 2020 VND | Năm 2019 VND |
|-----------------------|---------------------------|----------------------|----------------------|
| Ông Nguyễn Xuân Giang | Chủ tịch | 869.082.222 | 773.468.000 |
| Ông Trần Công Thành | Tổng Giám đốc/ Thành viên | 790.939.111 | 702.604.000 |
| Ông Lê Đại Thắng | Phó Tổng Giám đốc | 533.520.000 | 485.932.500 |
| Ông Ngô Trọng Bắc (*) | Phó Tổng Giám đốc | 250.800.000 | - |
| Ông Vũ Thế Đức | Thành viên | 61.111.111 | 40.000.000 |
| Ông Bùi Tuấn Ngọc | Thành viên | 61.111.111 | 40.000.000 |
| Ông Lê Duy Hiệp | Thành viên | 61.111.111 | 40.000.000 |
| Ông Nguyễn Bích Lân | Thành viên | 61.111.111 | 40.000.000 |
| Ông Lương Ngọc Bảo | Thành viên | 61.111.111 | 40.000.000 |
| Cộng | | 2.749.896.888 | 2.162.004.500 |

(*) Thu nhập kể trên là thu nhập của 05 tháng năm 2020, tính từ ngày có quyết định bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc là ngày 15 tháng 07 năm 2020.

8. THU NHẬP CỦA BAN KIỂM SOÁT

| | Năm 2020 VND | Năm 2019 VND |
|-------------------------------------|-----------------|-----------------|
| Tiền lương và các chi phí hoạt động | 61.111.112 | 109.874.942 |

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Địa chỉ: Số 02 Bích Cầu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

9. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ảnh hưởng của đại dịch Coronavirus (COVID-19) đang diễn ra và mặc dù đang tác động tích cực về mặt tài chính cho Công ty đến 31/12/2020 nhưng Công ty cũng không thể ước tính được các ảnh hưởng tiềm tàng, tích cực hoặc tiêu cực, sau ngày kết thúc kỳ báo cáo. Tình hình dịch bệnh đang diễn biến nhanh và phụ thuộc vào các biện pháp kiểm soát dịch bệnh của Chính phủ Việt Nam và các nước.

Ngoài ảnh hưởng của vấn đề nêu trên, không có vấn đề hoặc tình huống nào khác phát sinh kể từ ngày 31/12/2020 có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hoặc tình hình của Công ty trong những năm tài chính sắp tới.



Trần Công Thành
Tổng Giám đốc

Thành phố Hà Nội, ngày 08 tháng 03 năm 2021

Đỗ Thị Thu Hiền
Kế toán trưởng

Lục Thị Minh Trang
Người lập



THE POWER OF BEING UNDERSTOOD

AUDIT | TAX | CONSULTING

RSM Vietnam

5th Floor, Sai Gon 3 Building,
140 Nguyen Van Thu Street,
Da Kao Ward, District 1,
Ho Chi Minh City, Vietnam

T +8428 3827 5026
F +8428 3827 5027

Ha Noi Office
25th Floor, Tower A, Discovery Complex Building,
No.302 Cau Giay Street, Dich Vong Ward, Cau Giay District,
Hanoi, Vietnam

T +8424 3795 5353
F +8424 3795 5252

Central Office
3th Floor, 142 Xo Viet Nghe Tinh Street,
Hoa Cuong Nam Ward, Hai Chau District,
Da Nang, Vietnam

T +84236 363 3334
F +84236 363 3335

